

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-PT
Ngày 08-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Ngọc P (L)**, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N; có vợ Quách Thị Thúy Q; có 01 con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Minh K là Trợ giúp viên P lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 50 phút ngày 16/7/2017, Nguyễn Ngọc P nhờ ông Quách Văn C (cha vợ P) điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8-7753 của P đến khu công nghiệp A, huyện C, tỉnh Bến Tre để P tập lái thì ông C đồng ý. Khoảng 06 giờ cùng ngày, ông C điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8-7753 chở P ngồi trên thùng xe lưu thông trên đường ĐT 884 theo hướng từ xã S về xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Khi vừa qua khỏi ngã ba S một đoạn, thấy đường vắng nên ông C nói với P “đoạn đường

này vắng, con lên chạy đi” thì P đồng ý. Ông C rời khỏi ghế lái để P lên điều khiển xe còn ông lên thùng xe phía sau ngồi. P tiếp tục điều khiển xe lưu thông về hướng xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre khi đến khu vực ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, do điều khiển xe tay lái không vững nên P để xe lưu thông sang phần đường bên trái va chạm vào xe mô tô biển số 64E1-165.21 do chị Phạm Thị Kim C đang lưu thông theo chiều ngược lại. Cùng lúc này, anh Nguyễn Tấn T đang điều khiển xe mô tô biển số 71K8-2301 lưu thông cùng chiều phía sau Phạm Thị Kim C phát hiện vụ tai nạn nên thắng gấp và tự té ngã. Hậu quả, chị Phạm Thị Kim C tử vong tại hiện trường, anh T bị trầy xước nhẹ, P và ông C không bị thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 70-717/TT ngày 21/7/2017 của Trung tâm P y tỉnh Bến Tre kết luận chị Phạm Thị Kim C chết do đa chấn thương.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 17/7/2017 xác định được như sau:

- Mặt đường nơi xảy ra tai nạn là đường nhựa, rộng 7,2m, đường thẳng có vạch sơn màu trắng đứt quãng phân chia mặt đường thành hai chiều riêng biệt. Chosen mép đường bên phải theo hướng từ UBND xã A về hướng thành phố B làm lề chuẩn để tiến hành đo vẽ.

- Xe mô tô biển số 71K8-2301 ngã bên trái, nằm trên phần đường bên phải. Đầu xe quay về hướng Tây; đuôi xe quay về hướng Đông; trực trước cách lề chuẩn 2,25m; trực sau cách lề chuẩn 2,4m và cách tâm khu vực mảnh vỡ, dầu nhớt xăng phun, chất dịch mô cơ của nạn nhân là 1,1m.

- Xe mô tô biển số 71K8-2301 sau va chạm để lại 05 vết cày và 01 vết phanh trên mặt đường nằm trên phần đường bên phải:

- + Vết cày 01 dài 6,1m; đầu vết cày cách lề chuẩn 1,77m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 2,74m;

- + Vết cày 02 dài 4,7m; đầu vết cày cách lề chuẩn 1,75m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 2,74m;

- + Vết cày 03 dài 0,75m; đầu vết cày cách lề chuẩn 1,95m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 2,1m;

- + Vết cày 04 dài 0,75m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,45m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 2,55m;

- + Vết cày 05 dài 0,8m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,6m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 2,55m;

- Vết phanh xe mô tô 71K8-2301 có kích thước (9,6 x 0,08) m; đầu vết phanh cách lề chuẩn 1,6m; đuôi vết phanh cách lề chuẩn 1,7m.

- Xe mô tô ba bánh 61L8-7753 nằm trong lề phải theo hướng từ UBND xã A về thành phố B; đầu xe quay về hướng Tây Nam; đuôi xe quay về hướng Đông Bắc; trực trước cách lề chuẩn 2,58m; trực sau bên phải cách lề chuẩn 0,72m; trực sau bên trái cách lề chuẩn 1,7m.

- Sau va chạm xe mô tô ba bánh biển số 61L8-7753 để lại 01 vết trượt và 03 vết

in trên mặt đường nằm trên phần đường bên phải.

+ Vết trượt dài 0,7m, rộng 0,15m; đầu vết trượt cách lề chuẩn 3,1m, đuôi vết trượt cách lề chuẩn 2,85m.

+ Vết in 1 có kích thước (2,5 x 0,15)m, vết in 2 có kích thước (5,1 x 0,15)m, vết in 3 có kích thước (3,8 x 0,15)m. Đầu vết in 001,2,3 lần lượt cách lề chuẩn là 0,3m, 0,25m, 0,3m; đuôi vết in 1 trùng với mặt lăn của bánh xe sau bên phải; đuôi vết in 2 trùng với mặt lăn của bánh xe trước; đuôi vết in 3 trùng với mặt lăn của bánh xe sau bên trái.

+ Khu vực mảnh vỡ, dầu nhớt xăng phun, chất dịch mô cơ của nạn nhân có kích thước (4,2 x 3,3)m nằm trên phần đường bên phải theo hướng từ UBND xã A về thành phố B. Tâm khu vực mảnh vỡ, dầu nhớt xăng phun, chất dịch mô cơ của nạn nhân cách lề chuẩn 2,35m.

- Xe mô tô biển số 64E1-16521 ngã bên phải, nằm trên phần đường bên phải theo hướng từ UBND xã A về thành phố B; đầu xe quay về hướng Bắc, đuôi xe quay về hướng Nam; trục trước cách lề chuẩn 0,35m; trục sau cách lề chuẩn 0,88m.

- Xe mô tô biển số 64E1-16521 sau va chạm để lại 08 vết cày trên mặt đường nằm trên phần đường bên phải theo hướng từ UBND xã A về thành phố B.

+ Vết cày 1 dài 0,3m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,35m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 2,35m;

+ Vết cày 2 dài 0,35m; đầu vết cày cách lề chuẩn 1,9m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,8m;

+ Vết cày 3 dài 0,7m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,9m;

+ Vết cày 4 dài 0,55m; đầu vết cày cách lề chuẩn 1,75m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,6m;

+ Vết cày 5 dài 1,8m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,1m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,75m;

+ Vết cày 6 dài 2,9m; đầu vết cày cách lề chuẩn 0,95m; đuôi vết cày trùng với góc chân sau bên phải và cách lề chuẩn 0,6m;

+ Vết cày 7 dài 2,3m; đầu vết cày cách lề chuẩn 0,8m; đuôi vết cày cách lề chuẩn 0,3m;

+ Vết cày 8 dài 2,7m; đầu vết cày cách lề chuẩn 1,1m; đuôi vết cày trùng với đầu tay cầm bên phải và cách lề chuẩn 0,15m;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/3/2018, bị cáo Nguyễn Ngọc P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 01 năm 06 tháng tù về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho rằng bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Tuy nhiên, bị cáo là lao động chính trong gia đình; đã bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền 05 triệu đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị cáo mới tập lái xe và xảy ra tai nạn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện sớm bồi thường cho bị hại và lo cho gia đình.

Bị cáo phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện làm thuê lo cho cuộc sống gia đình, sớm khắc phục hậu quả cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc P, mặc dù chưa có giấy phép lái xe hạng A3 theo quy định nhưng đã điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8-7753 lưu thông theo hướng xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre khi đến khu vực ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, do không làm chủ tay lái nên để xe lấn sang phần đường bên trái va chạm vào xe mô tô biển số 64E1-165.21 do chị Phạm Thị Kim C đang lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả chị C tử vong do đa chấn thương. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” với tình tiết định khung tăng nặng “không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo P là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên

nhận đã bồi thường tiếp cho gia đình bị hại 05 triệu đồng nhưng biên nhận này chưa đủ cơ sở pháp lý để xác định gia đình của bị hại đã nhận thêm 05 triệu đồng do không có công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người nhận tiền nên bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, lỗi trong vụ tai nạn giao thông này hoàn toàn thuộc về bị cáo, đã điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông trong khi chưa có giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe theo quy định nên không làm chủ tay lái, thiếu tập trung quan sát phần đường phía trước, điều khiển xe hết sức cầu thả lấn sang phần đường bên trái gây ra vụ tai nạn giao thông làm chị Phạm Thị Kim C tử vong, gây mất mát đau thương vô hạn cho gia đình nạn nhân không gì bù đắp được. Mặc khác, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là đã có xem xét chiều cố đáng kể khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và người bào chữa.

Đối với phần án phí hình sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo nộp 200.000 đồng là chưa đúng với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do bản thân và gia đình của bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm theo hướng bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án nên được chấp nhận. Đối với phần án phí hình sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng là không đúng do bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của P luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm do thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí hình sự sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Ngọc P được miễn 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực P luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã P (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn